

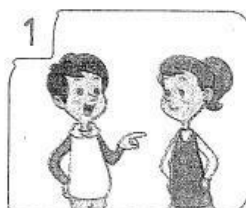
## GRAMMAR POINT

### Đại từ tân ngữ (số ít)

- Đại từ dùng để thay thế cho danh từ. Khi đại từ được sử dụng với vai trò là chủ ngữ trong câu thì được gọi là đại từ chủ ngữ. Khi đại từ đó được sử dụng với vai trò là tân ngữ trong câu thì được gọi là đại từ tân ngữ.
- Đại từ nhân xưng số ít ở dạng chủ ngữ bao gồm 'I, you, he, she, it'; còn ở dạng tân ngữ lần lượt là 'me, you, him, her, it'.
- Khi được sử dụng trong câu, đại từ tân ngữ số ít chỉ đối tượng được tác động bởi chủ ngữ.

Subject Pronouns	Object Pronouns (Singular)	
I	me	Tom likes me. (Tom thích tôi.)
you	you	Tom likes you. (Tom thích bạn.)
he	him	Tom likes him. (Tom thích anh ấy.)
she	her	Tom likes her. (Tom thích cô ấy.)
it	it	Tom likes it. (Tom thích nó.)

### A Look, circle, and write.



My parents know

you  
(you / your)



The puppies likes

I / me



The girl has

it's / it



The cats like

her / she



The students like

he / him



They want

it / it's

**B** Read and write.

	Subject Pronouns	Object Pronouns	Sentences
1	I	<u>me</u>	My grandparents love <u>me</u> .
2	you	_____	The cat likes _____.
3	he	_____	Sally doesn't know _____.
4	she	_____	The police officer helps _____.
5	it	_____	The boys don't have _____.

**C** Look and write.



The boy helps her.



My grandparents like \_\_\_\_\_.



Your parents love \_\_\_\_\_.



The girl eats \_\_\_\_\_.



Does Lisa like her sister?  
No, she doesn't like \_\_\_\_\_.



Do they want the bike?  
Yes, they want \_\_\_\_\_.



**D** Read and unscramble.

1 I her like

→ I like her.

2 knows My sister him

→

3 likes The puppy you

→

4 doesn't She me like

→

5 him friends like His

→

6 We have it don't

→

**E** Read and correct.

1 The student has it's.

→ The student has it.

2 My brother likes she.

→

3 The cat doesn't like he.

→

4 Jane rides it's every day.

→

5 The boy likes I.

→

6 Your parents love your.

→

## GRAMMAR PoINT

### Đại từ tân ngữ (số nhiều)

- Đại từ dùng để thay thế cho danh từ, khi đại từ được sử dụng với vai trò là tân ngữ trong câu thì được gọi là đại từ tân ngữ.
- Đại từ nhân xưng số nhiều mang nghĩa hai người hoặc hai vật trở lên. Các đại từ chủ ngữ bao gồm 'we, you, they'; còn ở dạng tân ngữ lần lượt là 'us, you, them'.
- Khi được sử dụng trong câu, đại từ tân ngữ số nhiều chỉ đối tượng được tác động bởi chủ ngữ.

Subject Pronouns	Object Pronouns (Plural)	
we	us	Tom likes us. (Tom thích chúng tôi.)
you	you	Tom likes you. (Tom thích các bạn.)
they	them	Tom likes them. (Tom thích họ.)

### A Read, check, and write.

- The dog likes them. ☐ they ☒ them ☐ their
- Our grandparents love \_\_\_\_\_. ☐ we ☐ our ☐ us
- They know \_\_\_\_\_. ☐ you ☐ your ☐ you're
- Amy doesn't eat \_\_\_\_\_. ☐ they ☐ them ☐ their
- Mr. Brown teaches \_\_\_\_\_. ☐ us ☐ we ☐ our
- Your friends help \_\_\_\_\_. ☐ your ☐ you ☐ you're
- We don't like \_\_\_\_\_. ☐ they ☐ their ☐ them



**B** Read, write, and match.

1 The puppies like you and Tom.

→ They like you.

2 The girl doesn't like the iguanas.

→ She doesn't like \_\_\_\_\_.

3 Your father loves you and your brother.

→ He loves \_\_\_\_\_.

4 Our mother loves my sister and me.

→ She loves \_\_\_\_\_.

5 Amy eats the sandwiches.

→ She eats \_\_\_\_\_.



**C** Read and change.

1 They have flowers.

→ They have them.

2 Come and see Dad, Mom, and me.

→ Come and see \_\_\_\_\_.

3 We like you and your sister.

→ We like \_\_\_\_\_.

4 Thank you for the shoes.

→ Thank you for \_\_\_\_\_.

5 He teaches my friend and me.

→ He teaches \_\_\_\_\_.

6 The cats don't like you and Lisa.

→ The cats don't like \_\_\_\_\_.

**D** Read and unscramble.

1 The boy them wants

→ The boy wants them.

2 know us Your parents

→

3 helps you Mrs. Brown

→

4 don't They you like

→

5 like The cat us doesn't

→

6 The students don't them have

→

**E** Read and correct.

1 I like your very much. → I like you very much.

2 Our teacher loves we. →

3 The twins don't know your. →

4 The boy doesn't want their. →

5 I don't have they. →

6 They don't like our. →